

Phụ lục III
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Ea Drăng	Xã Cư A Mung	Xã Cư Mốt	Xã Diên Yang	Xã Ea Hiao	Xã Ea H'Leo	Xã Ea Khal	Xã Ea Nam	Xã Ea Ral	Xã Ea Sol	Xã Ea Tір	Xã Ea Wy
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích thu hồi (1+2)		594,79	18,19	192,97	0,21	5,80	0,06	55,62	3,81	3,09	4,04	0,21	310,57	0,22
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	545,53	15,56	177,43	0,21	5,79	0,05	52,90	3,61	3,09	4,04		282,63	0,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA	12,84						12,64						0,20
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	12,84						12,64						0,20
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK													
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	81,98	1,35	3,00		0,61		9,59	0,01	0,02			67,40	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	128,02	14,06	19,43	0,21	5,18	0,05	24,85	3,60	2,85	4,04		53,73	0,02
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	320,60		155,00				3,88		0,22			161,50	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	316,50		155,00									161,50	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,09	0,15					1,94						
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	49,26	2,63	15,54		0,01	0,01	2,72	0,20			0,21	27,94	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,85				0,01	0,01	2,72				0,01	0,10	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,33	0,33											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,20							0,20					
2.4	Đất an ninh	CAN	2,06	2,06											
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,10											0,10	
2.5.1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,10											0,10	
2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	20,16	0,24										19,92	
2.6.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,24	0,24											
2.6.2	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	19,92											19,92	
2.7	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,20										0,20		
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	23,36		15,54									7,82	
2.8.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	23,36		15,54									7,82	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD													